

Các câu hỏi và đáp án môn Hệ điều hành mạng (NOS)

Chương 1

Câu hỏi 1.1 Hệ điều hành là?

- A. Một chương trình quản lý các tài nguyên phần cứng và phần mềm của 1 máy tính**
- B. Một chương trình quản lý các tài nguyên phần cứng của 1 máy tính
- C. Một chương trình quản lý các tài nguyên phần mềm của 1 máy tính
- D. Một chương trình cung cấp giao diện giữa người dùng và phần cứng máy tính

Câu hỏi 1.2 Đây là một chức năng của hệ điều hành?

- A. Quản lý quá trình
- B. Quản lý tiến trình**
- C. Quản lý chương trình
- D. Quản lý phần mềm

Câu hỏi 1.3 Đây là một chức năng của hệ điều hành?

- A. Quản lý dịch vụ
- B. Quản lý bộ nhớ**
- C. Quản lý biến nhớ
- D. Quản lý hệ thống

Câu hỏi 1.4 Đây là tên một trình điều khiển thiết bị?

- A. Google drives
- B. One drives
- C. Disk drives**
- D. Car drives

Câu hỏi 1.5 Hệ điều hành cho một người dùng (single-user) chỉ cho phép

- A. tạo và quản lý duy nhất một người dùng
- B. người dùng chạy 1 chương trình tại một thời điểm
- C. cài đặt và quản trị 1 giao diện người dùng
- D. một phiên làm việc của người dùng tại một thời điểm**

Câu hỏi 1.6 Đây là tên đúng của một hệ điều hành

- A. Microsoft Windows 2007 Server
- B. Microsoft Windows 2008 Server**
- D. Microsoft Windows 2009 Server
- D. Microsoft Windows 2010 Server

Câu hỏi 1.7 Đây là một dịch vụ mạng do hệ điều hành Windows Server cung cấp?

- A. Microsoft IIS**
- B. Microsoft SQL
- C. Microsoft Edge
- D. Microsoft .NET

Câu hỏi 1.8 Hệ điều hành mạng được thiết kế chuyên dụng để cung cấp

- A. các dịch vụ mạng**
- B. các website, dịch vụ web
- C. các dịch vụ quản lý mạng
- D. các dịch vụ quản lý hệ thống

Câu hỏi 1.9 Tìm phát biểu đúng trong các phát biểu sau

- A. HĐH mạng chỉ cung cấp các chức năng quản trị hệ thống**

- B. HĐH mạng chỉ cung cấp các chức năng đảm bảo an ninh an toàn
- C. HĐH mạng chỉ cung cấp các chức năng quản trị người dùng và hệ thống
- D. HĐH mạng có cung cấp các chức năng cơ sở của HĐH thông thường**

Câu hỏi 1.10 Đâu không phải là một chức năng chính của HĐH mạng?

- A. Cung cấp các dịch vụ tên và danh mục
- B. Cung cấp các dịch vụ file, in ấn, web, sao lưu
- C. Hỗ trợ các tính năng liên mạng
- D. Cung cấp các dịch vụ nhắn tin và âm nhạc**

Câu hỏi 1.11 Đâu là tên gọi đúng của một mô hình mạng?

- A. Peer to Peer**
- B. Pear to Pear
- C. Peers to Peers
- D. Clients/Servers

Câu hỏi 1.12 Đâu không phải là một ưu điểm của HĐH mạng kiểu client/server?

- A. Tập trung
- B. Mềm dẻo và khả năng truy nhập
- C. Khả năng mở rộng
- D. Dễ cài đặt và quản trị**

Câu hỏi 1.13 Đâu không phải là một phần mềm máy chủ web?

- A. nginx
- B. Apache web server
- C. Internet Information Services
- D. Google apps server**

Câu hỏi 1.14 Các máy chủ trong một chuỗi cân bằng tải

- A. dùng chung một địa chỉ IP**
- B. dùng chung một siêu ổ đĩa
- C. kết nối mạng Internet với nhau
- D. kết nối mạng client/server với nhau

Câu hỏi 1.15 Đâu là một giao thức quản trị mạng?

- A. SNNP
- B. SNMP**
- C. SMMP
- D. SMNP

Chương 2

Câu hỏi 2.1 Đâu là không phải tên một hệ thống file?

- A. FAT
- B. EXT
- C. NTFS
- D. DFS**

Câu hỏi 2.2 Hệ thống file giao dịch là

- A. Disk File System
- B. Database file system

C. Transactional file system

D. Network file system

Câu hỏi 2.3 Hệ thống file giao dịch thường được sử dụng trong ngành

A. Ngân hàng

B. Thương mại

C. Viễn thông

D. Xây dựng

Câu hỏi 2.4 Hệ điều hành Microsoft Windows 10 sử dụng hệ thống file nào?

A. FAT32

B. NTFS

C. EXT4

D. HPFS

Câu hỏi 2.5 Hệ thống file phân tán (Distributed File System - DFS) là một hệ thống file hỗ trợ

A. chia sẻ files và các tài nguyên trên mạng

B. chia sẻ dữ liệu và các thông tin

C. chia sẻ các tệp và các thư mục

D. chia sẻ dữ liệu và các máy chủ

Câu hỏi 2.6 Đây là tên một hệ thống file phân tán?

A. HDFS

B. HPFS

C. HSFS

D. HFFS

Câu hỏi 2.7 Đây là tên một hệ thống file phân tán?

A. CIFS

B. CJFS

C. CKFS

D. CHFS

Câu hỏi 2.8 Các yêu cầu đối với hệ thống file phân tán bao gồm:

A. tính trong suốt, hiệu năng, khả năng chịu lỗi và khả năng mở rộng

B. tính trong suốt, hiệu năng, khả năng chịu lỗi và khả năng hoạt động

C. tính trong suốt, tốc độ, khả năng chịu lỗi và khả năng mở rộng

D. tính trong suốt, hiệu năng, khả năng có lỗi và khả năng mở rộng

Câu hỏi 2.9 Tính trong suốt của DFS bao gồm:

A. Mạng trong suốt và người dùng trong suốt

B. Mạng trong suốt và người dùng có thể di chuyển

C. Mạng tốc độ cao và người dùng trong suốt

D. Mạng tốc độ cao và người dùng có thể di chuyển

Câu hỏi 2.10 Hệ thống phân tán là một tập hợp

A. các máy tính có liên kết lỏng lẻo

B. các máy tính có kết nối mạng LAN/WAN

C. các máy chủ cung cấp dịch vụ cho người dùng

D. các máy tính nằm phân tán trên mạng Internet

Câu hỏi 2.11 Máy chủ (server) là một phần mềm cung cấp dịch vụ chạy trên

A. một máy tính

- B. nhiều máy tính
- C. một mạng LAN
- D. một chuỗi máy chủ

Câu hỏi 2.12 Các hoạt động dịch vụ file của DFS phải được

- A. thực thi trên mạng**
- B. thực thi trên máy chủ
- C. vận chuyển qua Internet
- D. vận chuyển qua LAN

Câu hỏi 2.13 Một đối tượng logic và đối tượng vật lý trong DFS tham chiếu tương ứng là

- A. một file và các khối lưu trữ trên đĩa**
- B. số nhận dạng của file và các khối dữ liệu lưu trữ trên đĩa
- C. một file và các khối lưu trữ trên mạng
- D. số nhận dạng của file và các khối lưu trữ trên mạng

Câu hỏi 2.14 Hai phương pháp ánh xạ tên file trong DFS gồm:

- A. Trong suốt và độc lập về vị trí**
- B. Trong suốt và độc lập về mạng
- C. Trong suốt và độc lập về máy chủ
- D. Trong suốt và độc lập về hạ tầng

Câu hỏi 2.15 Trong suốt về vị trí cung cấp tính trừu tượng yếu hơn độc lập về vị trí do

- A. Vẫn tồn tại liên kết cố định giữa tên file và vị trí lưu trữ**
- B. Vẫn tồn tại liên kết động giữa tên file và vị trí lưu trữ
- C. Vẫn tồn tại liên kết giữa dữ liệu file và vị trí lưu trữ
- D. Vẫn tồn tại liên kết giữa tên file và thiết bị lưu trữ

Câu hỏi 2.16 Tìm phát biểu đúng về phương pháp ánh xạ tên file độc lập vị trí

- A. Phân tách cấu trúc phân cấp tên khỏi cấu trúc các thiết bị lưu trữ**
- B. Có tính tương đồng giữa đơn vị thành phần và đơn vị máy
- C. Hệ thống máy được cấu hình tương tự như hệ thống tên
- D. Phân tách cấu trúc tên phân cấp khỏi cấu trúc các thiết bị máy chủ

Câu hỏi 2.17 Phương pháp kết hợp tên máy (host) và tên cục bộ

- A. Không trong suốt và không độc lập về vị trí**
- B. Có trong suốt nhưng không độc lập về vị trí
- C. Không trong suốt và có độc lập về vị trí
- D. Có trong suốt và có độc lập về vị trí

Câu hỏi 2.18 Phương pháp kết hợp các thư mục ở xa vào không gian tên cục bộ

- A. Không trong suốt và không độc lập về vị trí
- B. Có trong suốt nhưng không độc lập về vị trí**
- C. Không trong suốt và có độc lập về vị trí
- D. Có trong suốt và có độc lập về vị trí

Câu hỏi 2.19 Phương pháp sử dụng không gian cấu trúc tên toàn cục cho tất cả các file trong toàn hệ thống

- A. Không trong suốt và không độc lập về vị trí
- B. Có trong suốt nhưng không độc lập về vị trí
- C. Không trong suốt và có độc lập về vị trí
- D. Có trong suốt và có độc lập về vị trí**

Câu hỏi 2.20 Điều không phải là một kỹ thuật thực hiện đặt tên?

- A. Dịch tên đường dẫn
- B. Tên nhận dạng có cấu trúc
- C. Các cơ chế mount
- D. Tên nhận dạng phi cấu trúc**

Câu hỏi 2.21 Ngữ nghĩa chia sẻ nào cung cấp khả năng quảng bá các thay đổi của dữ liệu file đến các máy khách đang mở file nhanh nhất?

- A. Ngữ nghĩa Unix**
- B. Ngữ nghĩa phiên làm việc
- C. Ngữ nghĩa của các file chia sẻ bất biến
- D. Ngữ nghĩa giao dịch

Câu hỏi 2.22 Ngữ nghĩa chia sẻ nào chỉ cho phép các máy khách đọc file?

- A. Ngữ nghĩa Unix
- B. Ngữ nghĩa phiên làm việc
- C. Ngữ nghĩa của các file chia sẻ bất biến**
- D. Ngữ nghĩa giao dịch

Câu hỏi 2.23 Tìm phát biểu đúng về các phương pháp truy nhập từ xa

- A. Dịch vụ từ xa tạo ra ít lưu lượng mạng hơn lưu khay
- B. Dịch vụ từ xa cho hiệu năng cao hơn lưu khay
- C. Dịch vụ từ xa thường được sử dụng kết hợp với lưu khay**
- D. Dịch vụ từ xa thường đòi hỏi máy khách phải có ổ đĩa cục bộ

Câu hỏi 2.24 Tìm đáp án đúng về tính trong suốt và độc lập vị trí của hệ thống file GFS:

- A. Không trong suốt và không độc lập về vị trí
- B. Có trong suốt nhưng không độc lập về vị trí
- C. Không trong suốt và có độc lập về vị trí
- D. Có trong suốt và có độc lập về vị trí**

Câu hỏi 2.25 Các thành phần chính GFS gồm:

- A. Masters, Chunkservers và Clients**
- B. Masters, Chunkservers
- C. Masters, Chunkservers và Storageservers
- D. Chunkservers, Clients và Storageservers

Câu hỏi 2.26 Dữ liệu của các file trong GFS được lưu trữ trong các khối ở

- A. GFS master
- B. GFS Chunkservers**
- C. GFS master và Chunkservers
- D. GFS Storageservers

Câu hỏi 2.27 Để đảm bảo an toàn cho dữ liệu lưu trên GFS master, GFS sử dụng

- A. GFS shadow masters**
- B. GFS secondary masters
- C. GFS shadow servers
- D. GFS secondary servers

Câu hỏi 2.28 Để đảm bảo an toàn cho các khối dữ liệu của file, GFS thực hiện lưu

- A. 2 bản sao của mỗi khối dữ liệu
- B. 3 bản sao của mỗi khối dữ liệu
- C. 2 bản sao của mỗi khối dữ liệu trên các chunkserver vật lý khác nhau

D. 3 bản sao của mỗi khối dữ liệu trên các chunkserver vật lý khác nhau

Câu hỏi 2.29 GFS master và các chunkservers giao tiếp với nhau sử dụng các thông điệp

- A. Heartbeat**
- B. Hearbeat
- C. Heartbreak
- D. Hearbreak

Câu hỏi 2.30 Kích thước của mỗi khối dữ liệu của file trong GFS là

- A. 60 MB
- B. 62 MB
- C. 64 MB**
- D. 66 MB

Câu hỏi 2.31 Các GFS chunkservers là các máy chủ chạy hệ điều hành

- A. Linux**
- B. Unix
- C. Microsoft Windows
- D. Solaris

Câu hỏi 2.32 Một bản ghi quản lý một chunk trong GFS có kích thước là

- A. 32 byte
- B. 48 byte
- C. 64 byte**
- D. 128 byte

Câu hỏi 2.33 Khi GFS master gặp sự cố, hệ thống GFS sẽ

- A. ngừng hoạt động
- B. vận hành sử dụng GFS shadow master**
- C. vận hành sử dụng GFS secondary masters
- D. vận hành sử dụng GFS chunkservers

Câu hỏi 2.34 GFS cho phép tạo bản sao của file hoặc cây thư mục với chi phí thấp. Thao tác đó là

- A. Snapshot**
- B. Record append
- C. Data append
- D. Shotsnap

Câu hỏi 2.35 Hệ thống GFS được xây dựng từ

- A. những phần cứng tương đối rẻ tiền
- B. những phần cứng chất lượng, đắt tiền
- C. những siêu máy chủ công suất lớn
- D. những máy chủ rẻ tiền, mau hỏng

Chương 3

Câu hỏi 3.1 Đây là một cơ chế giao tiếp giữa các tiến trình?

- A. Message passing**
- B. Massage passing
- C. Passing message
- D. Pass message

Câu hỏi 3.2 Đây là một cơ chế giao tiếp giữa các tiến trình?

- A. Remote procedure call**
- B. Remote function call
- C. Remote code call
- D. Remote method call

Câu hỏi 3.3 Giao thức thường được sử dụng trong truyền thông giữa các tiến trình là

- A. Request-Reply**
- B. Reply-Request
- C. TCP-UDP
- D. UDP-TCP

Câu hỏi 3.4 Đây là một trong những kỹ thuật được dùng phổ biến nhất trong phương thức truyền thông điệp?

- A. Socket**
- B. Sockket
- C. Sockete
- D. Socks

Câu hỏi 3.5 Đây không phải là một kỹ thuật truyền thông điệp?

- A. Java sockets
- B. Windows sockets
- C. Unix sockets
- D. iPhone sockets**

Câu hỏi 3.6 Địa chỉ Internet kết hợp với một cổng được gọi là

- A. Socket**
- B. Sockket
- C. Sockete
- D. Socks

Câu hỏi 3.7 Tìm phát biểu đúng trong phương thức truyền thông điệp:

- A. Mỗi tiến trình có thể sử dụng nhiều cổng để tạo nhiều socket**
- B. Mỗi tiến trình có thể sử dụng nhiều cổng nhưng chỉ được tạo một socket
- C. Mỗi tiến trình chỉ được sử dụng một cổng để tạo một socket
- D. Chỉ có Java hỗ trợ truyền thông điệp sử dụng socket

Câu hỏi 3.8 Cơ chế RPC triệu gọi thực hiện một thủ tục của

- A. tiến trình hiện tại ở máy hiện tại
- B. một tiến trình khác có thể ở một máy khác**
- C. tiến trình hiện tại ở máy khác
- D. một tiến trình khác ở nhiều máy khác

Câu hỏi 3.9 Một trong các ưu điểm của RPC là

- A. giúp đơn giản hoá lập trình truyền thông**
- B. chạy nhanh hơn truyền thông điệp
- C. triển khai đơn giản, nhanh chóng
- D. cấu hình thuận tiện, nhanh chóng

Câu hỏi 3.10 Đây là một dạng RPC?

- A. Java sockets
- B. Java RMI**
- C. Java RIM

D. Java IRM

Câu hỏi 3.11 Đây là một dạng RPC?

- A. CORBA**
- B. CORAB
- C. CORBB
- D. CORAA

Câu hỏi 3.12 Đây không phải là một dạng RPC?

- A. Microsoft COM+
- B. Microsoft DCOM
- C. Sun RPC
- D. Apple RPC**

Câu hỏi 3.13 IDL trong RPC là

- A. một ngôn ngữ mô tả giao diện lập trình ứng dụng
- B. một ngôn ngữ mô tả giao diện giao tiếp**
- C. một ngôn ngữ lập trình máy chủ
- D. một ngôn ngữ lập trình máy khách

Câu hỏi 3.14 Tìm phát biểu đúng về Java RMI, Corba

- A. Java RMI tốt hơn Corba
- B. Corba tốt hơn Java RMI
- C. Java RMI hỗ trợ nhiều ngôn ngữ lập trình
- D. Corba có hiệu năng cao hơn Java RMI**

Câu hỏi 3.15 Đây không phải là một ưu điểm của Java RMI?

- A. Mã đã viết có thể chạy trên nhiều nền tảng
- B. Mã Java mới có thể triển khai trên các hệ thống đã có JVM
- C. Hỗ trợ từ rất sớm
- D. Hỗ trợ nhiều ngôn ngữ**

Câu hỏi 3.16 Đây là một lý do cần phải điều độ các tiến trình trong hệ thống phân tán?

- A. Cập nhật đồng thời các bản ghi trong cơ sở dữ liệu**
- B. Cập nhật tuần tự các bản ghi trong cơ sở dữ liệu
- C. Kiểm tra tình trạng hoạt động của các tiến trình
- D. Trao đổi dữ liệu giữa các tiến trình

Câu hỏi 3.17 Đây không phải là 1 khó khăn của vấn đề điều độ trong hệ thống phân tán?

- A. Tôpô mạng trong hệ phân tán rất phức tạp
- B. Các mô hình master/slave tĩnh cũng không phù hợp do master có thể gặp trục trặc
- C. Có thể có lỗi đường truyền hoặc tiến trình gặp trục trặc
- D. Các mô hình master/slave động cũng không phù hợp do master có thể gặp trục trặc**

Câu hỏi 3.18 Đây không phải là một phương pháp loại trừ tương hỗ?

- A. Phương pháp tập trung
- B. Phương pháp phân tán toàn phần
- C. Phương pháp dùng thẻ bài
- D. Phương pháp kết hợp**

Câu hỏi 3.19 Phương pháp loại trừ tương hỗ tập trung cần thực hiện 3 thông điệp theo trật tự

- A. request, reply và release**
- B. reply, request và release

- C. release, reply và request
- D. request, release và reply

Câu hỏi 3.20 Phương pháp loại trừ tương hỗ phân tán toàn phần không thể hoạt động nếu

- A. có một tiến trình trong hệ thống gặp trục trặc**
- B. có một tiến trình mới gia nhập hệ thống
- C. hệ thống không có một điều phối viên
- D. có quá nhiều tiến trình muốn vào CS

Câu hỏi 3.21 Phương pháp loại trừ tương hỗ dùng thẻ bài có thể loại trừ được hiện tượng “bỏ đói” tiến trình nếu

- A. ring sử dụng là đơn hướng**
- B. ring sử dụng là đa hướng
- C. thẻ bài không bị mất
- D. ring không bị mất kết nối

Câu hỏi 3.22 Tìm phát biểu đúng về việc bầu chọn người điều phối

- A. Người điều phối được bầu là tiến trình có ID nhỏ nhất
- B. Chỉ cần quá nửa số tiến trình tham gia bầu chọn để tìm ra người điều phối
- C. Đa số các tiến trình tham gia bầu chọn và tìm ra người điều phối
- D. Tất cả các tiến trình tham gia bầu chọn và tìm ra người điều phối**

Câu hỏi 3.23 Thuật toán bầu chọn người điều phối Chang&Roberts sử dụng số vòng lặp quanh ring là

- A. Một
- B. Hai**
- C. Ba
- D. Bốn

Câu hỏi 3.24 Trong quá trình bầu chọn sử dụng thuật toán Chang&Roberts, Non-participants là

- A. Người đã tham gia bầu
- B. Người chưa tham gia bầu**
- C. Người đã thắng cử
- D. Người chưa thắng cử

Câu hỏi 3.25 Đây là một thuật toán bầu chọn người điều phối?

- A. Itai&Rodeh**
- B. Chang&Roberts
- C. Chang&Robert
- D. Itais&Rodeh

Chương 4

Câu hỏi 4.1 Một trong các lý do cho sự cần thiết của dịch vụ thời gian là

- A. Thiết lập trật tự của các bản ghi
- B. Thiết lập trật tự ưu tiên của các dịch vụ
- C. Thiết lập trật tự của các sự kiện**
- D. Thiết lập trật tự của các dữ liệu mạng

Câu hỏi 4.2 Một trong các lý do cho sự cần thiết của dịch vụ thời gian là

- A. Đồng bộ hoá các dòng dữ liệu**
- B. Đồng bộ hoá các bản ghi dữ liệu
- C. Đồng bộ hoá việc bảo mật dữ liệu

D. Đồng bộ hoá việc cung cấp dịch vụ

Câu hỏi 4.3 Các đồng hồ phần cứng đếm số dao động xuất hiện trong

- A. Tinh thể thạch anh**
- B. Tinh thể chất bán dẫn
- C. Mạch tích hợp
- D. Các transistor

Câu hỏi 4.4 Mốc thời gian trong các đồng hồ phần cứng kể từ 00:00:00 ngày 01/01/1970 được tính bằng

- A. số mili giây
- B. số giây**
- C. số phút
- D. số giờ

Câu hỏi 4.5 Một trong các vấn đề với các đồng hồ phần cứng là

- A. Tần số dao động thay đổi theo nhiệt độ dẫn đến thời gian sai**
- B. Tần số dao động thay đổi theo độ ẩm dẫn đến thời gian sai
- C. Tần số dao động thay đổi theo điện áp dẫn đến thời gian sai
- D. Tần suất dao động thay đổi theo nhiệt độ dẫn đến thời gian sai

Câu hỏi 4.6 Các nguồn cung cấp thời gian chính xác gồm

- A. UTC và GPS**
- B. UCT và GPS
- C. UTC và GPP
- D. CTU và GPS

Câu hỏi 4.7 Đồng hồ sai giờ giống với đồng hồ lệch giờ là chúng có thời gian

- A. lệch so với một đồng hồ khác**
- B. giống nhau
- C. khác nhau
- D. lệch so với nhiều đồng hồ khác

Câu hỏi 4.8 Giả thiết 2 đồng hồ lệch nhau với tần suất R mili giây/giây, để đạt được sai số cho phép là D, chúng cần được đồng bộ hóa theo chu kỳ

- A. $D/2R$**
- B. D/R
- C. $2D/R$
- D. $D/4R$

Câu hỏi 4.9 Giải thuật Cristian thực hiện hiệu chỉnh thời gian của máy khách đến giá trị $UTC+p$, trong đó p là

- A. 1/4 của thời gian chu trình request-reply
- B. 1/2 của thời gian chu trình request-reply**
- C. thời gian 1 chu trình request-reply
- D. thời gian 2 chu trình request-reply

Câu hỏi 4.10 Giải thuật Cristian chỉ đạt được độ chính xác cao khi

- A. thời gian truyền thông điệp nhỏ nhất**
- B. thời gian truyền thông điệp lớn nhất
- C. thời gian của server là chuẩn theo UTC
- D. thời gian của client là chuẩn theo UTC

Câu hỏi 4.11 Giải thuật Berkerly sử dụng 3 thông điệp theo trật tự thế nào?

- A. Query-Response-Adjust**
- B. Query-Adjust-Response
- C. Response-Query-Adjust
- D. Response-Adjust-Query

Câu hỏi 4.12 Độ chính xác của giải thuật Berkerly phụ thuộc vào

- A. Tổng thời gian truyền thông điệp**
- B. Thời gian gửi thông điệp
- C. Thời gian nhận thông điệp
- D. Thời gian cập nhật trên máy chủ

Câu hỏi 4.13 Các NTP server thường được tổ chức theo mô hình

- A. Phân cấp**
- B. Phân tán
- C. Tập trung
- D. Kết hợp

Câu hỏi 4.14 Đâu không phải là một chế độ đồng bộ hoá trong NTP?

- A. Multicast
- B. Anycast**
- C. Chế độ gọi thủ tục
- D. Giao thức đối xứng

Câu hỏi 4.15 Thời gian logic thường được sử dụng để suy ra trật tự các sự kiện có tính

- A. nhân - quả**
- B. quả - nhân
- C. sau - trước
- D. nhanh - chậm

Câu hỏi 4.16 Có 2 sự kiện a và b, với $T(a)$ là tem thời gian logic của a, $T(b)$ là tem thời gian logic của b, $T(a) > T(b)$ có nghĩa là

- A. a xảy ra trước b
- B. b xảy ra trước a**
- C. a và b xảy ra đồng thời
- D. a và b không có quan hệ gì

Chương 5

Câu hỏi 5.1 Ảo hóa là việc tách một tài nguyên hoặc một dịch vụ khỏi

- A. các phương tiện vật lý dùng để cung cấp nó**
- B. các máy chủ vật lý dùng để cung cấp nó
- C. các hệ thống mạng vật lý dùng để cung cấp nó
- D. các máy chủ logic dùng để cung cấp nó

Câu hỏi 5.2 Đâu không phải là một dạng ảo hóa?

- A. Virtual memory
- B. Virtual Private Network
- C. Java Virtual Machine
- D. Apple Virtual Machine**

Câu hỏi 5.3 Các thành phần có thể ảo hóa bao gồm

- A. Phần cứng, phần mềm máy tính và tài nguyên mạng**
- B. Phần cứng, hệ điều hành, ứng dụng máy tính và người dùng
- C. Chỉ có các phần cứng và phần mềm máy tính
- D. Hệ điều hành, ứng dụng máy tính, mạng và người dùng

Câu hỏi 5.4 Ảo hóa thường được sử dụng rộng rãi nhất trong

- A. Kiểm thử phần mềm**
- B. Thiết kế phần mềm
- C. Lập trình phần mềm
- D. Phân tích yêu cầu

Câu hỏi 5.5 Một trong các lý do của sự cần thiết ảo hóa là Server Consolidation. Server Consolidation là

- A. hợp nhất các máy chủ vật lý và triển khai trên các máy ảo**
- B. hợp nhất các máy chủ ảo để triển khai trên 1 máy chủ vật lý
- C. hợp nhất các máy chủ vật lý và triển khai trên điện toán đám mây
- D. hợp nhất các máy chủ ảo và triển khai trên điện toán đám mây

Câu hỏi 5.6 Điều không phải là 1 lý do hàng đầu về kinh tế cho việc sử dụng ảo hóa?

- A. Giảm chi phí cho hạ tầng vật lý
- B. Giảm chi phí vận hành
- C. Giảm thiệt hại khi xảy ra sự cố
- D. Giảm chi phí nhân công vận hành**

Câu hỏi 5.7 Sử dụng ảo hóa có thể giúp

- A. Phục hồi nhanh sau sự cố, giúp giảm thiệt hại**
- B. Giảm chi phí nhân công, tăng lợi nhuận
- C. Giảm chi phí bán hàng, tăng hiệu quả
- D. Phục hồi nhanh sau khi bị tấn công mạng

Câu hỏi 5.8 Sử dụng ảo hóa có thể giúp giảm tiêu hao điện năng vận hành hệ thống máy chủ đến

- A. 40%
- B. 60%
- C. 80%**
- D. 20%

Câu hỏi 5.9 Trong kiến trúc hosted, phần mềm ảo hóa được cài đặt và chạy như

- A. một ứng dụng của hệ điều hành nền**
- B. một hệ điều hành độc lập
- C. một phần mềm sụn độc lập
- D. một ứng dụng chạy phân tán trên mạng

Câu hỏi 5.10 Trong kiến trúc hypervisor, phần mềm ảo hóa được cài đặt và chạy như

- A. một ứng dụng của hệ điều hành nền
- B. một hệ điều hành độc lập**
- C. một phần mềm sụn độc lập
- D. một ứng dụng chạy phân tán trên mạng

Câu hỏi 5.11 Ảo hóa theo kiến trúc hosted thường có hiệu năng thấp và chỉ hỗ trợ một số lượng nhỏ máy ảo là do

- A. máy chủ vật lý có tài nguyên CPU, RAM và đĩa hạn chế
- B. dựa vào hệ điều hành nền để quản lý các tài nguyên vật lý**
- C. mạng kết nối máy chủ vật lý cho băng thông thấp

D. dựa vào hệ điều hành nền để chạy các ứng dụng ảo hóa

Câu hỏi 5.12 Đây là một đặc điểm của ảo hóa theo kiến trúc hypervisor?

- A. Chạy như 1 hệ điều hành độc lập và tự quản lý các thiết bị và các tài nguyên phần cứng**
- B. Dựa vào hệ điều hành nền để quản lý các thiết bị và các tài nguyên phần cứng
- C. Dựa vào hệ điều hành nền để quản lý các thiết bị và các tài nguyên phần mềm
- D. Chạy như 1 hệ điều hành độc lập và tự quản lý các thiết bị và các tài nguyên phần mềm

Câu hỏi 5.13 Đây là phần mềm ảo hóa theo kiến trúc hosted?

- A. VMWare Player**
- B. VMWare ESXi
- C. Microsoft Hyper-V
- D. VMWare ESX vSphere

Câu hỏi 5.14 Đây là phần mềm ảo hóa theo kiến trúc hypervisor?

- A. VMWare Workstation
- B. VMWare ESXi**
- C. Microsoft Virtual PC
- D. Oracle VirtualBox

Câu hỏi 5.15 Ảo hóa có thể hoạt động tốt cho

- A. Các ứng dụng sử dụng nhiều tài nguyên
- B. Kiểm thử hiệu năng
- C. Kiểm thử tương thích phần cứng
- D. Các ứng dụng thông thường**

Chương 6

Câu hỏi 6.1 Tìm đáp án sai về điện toán đám mây

- A. Là dạng tính toán theo yêu cầu
- B. Là dạng tính toán dựa trên Internet
- C. Là dạng tính toán dựa trên các tài nguyên chia sẻ
- D. Là dạng tính toán dựa trên các đám mây**

Câu hỏi 6.2 Đây không phải là một mô hình triển khai điện toán đám mây?

- A. Public
- B. Privacy**
- C. Hybrid
- D. Community

Câu hỏi 6.3 Các mô hình dịch vụ của điện toán đám mây gồm:

- A. IaaS, PaaS, SaaS**
- B. IaaS, PaaS, SooS
- C. IaaS, PaaS, SaaS
- D. IaaS, PaaS, SaaS

Câu hỏi 6.4 Một ứng dụng thực tế của mô hình hạ tầng như 1 dịch vụ là:

- A. Amazon EC2**
- B. Google Gmail
- C. Google App Engine
- D. Amazon Store

Câu hỏi 6.5 Một ứng dụng thực tế của mô hình nền tảng như 1 dịch vụ là:

- A. Amazon EC2
- B. Google Gmail
- C. Google App Engine**
- D. Amazon Store

Câu hỏi 6.6 Một ứng dụng thực tế của mô hình phần mềm như 1 dịch vụ là:

- A. Amazon EC2
- B. Google Gmail**
- C. Google App Engine
- D. Amazon Store

Câu hỏi 6.7 Đây là 1 đặc tính thiết yếu của điện toán đám mây?

- A. On-demand self-service**
- B. On-demand staff-service
- C. On-demand all-service
- D. On-demand no-service

Câu hỏi 6.8 Đây không phải là 1 đặc tính thiết yếu của điện toán đám mây?

- A. Broad Network Access
- B. Measured service
- C. Resource queueing**
- D. Rapid elasticity

Câu hỏi 6.9 IaaS cho phép khách hàng

- A. thuê máy chủ và kết nối mạng**
- B. mua máy chủ và kết nối mạng
- C. thuê kết hợp mua máy chủ và kết nối mạng
- D. chỉ thuê hệ thống lưu trữ và kết nối mạng

Câu hỏi 6.10 SaaS cho phép khách hàng

- A. thuê phần mềm của nhà cung cấp**
- B. mua phần mềm của nhà cung cấp
- C. thuê phần mềm của nhà cung cấp và triển khai trên hệ thống cục bộ
- D. mua phần mềm của nhà cung cấp và triển khai trên đám mây

Câu hỏi 6.11 Đây không phải là một lợi ích của điện toán đám mây?

- A. Location independence
- B. Low total cost of ownership
- C. Scalability and sustainability
- D. High performance**

Câu hỏi 6.12 Đây không phải là một hạn chế của điện toán đám mây?

- A. Luôn yêu cầu phải có kết nối Internet
- B. Hiệu năng có thể thấp
- C. Dữ liệu lưu trữ có thể không an toàn
- D. Có thể có hạn chế về không gian lưu trữ**

Câu hỏi 6.13 Khả năng mở rộng và bền vững của điện toán đám mây là:

- A. Scalability and sustainability**
- B. Scalar and sustainability
- C. Scalability and sustainable
- D. Scalable and sustainable

Câu hỏi 6.14 Trong đám mây công cộng

- A. Hạ tầng đám mây được chia sẻ bởi nhiều người dùng**
- B. Hạ tầng đám mây được cung cấp riêng cho mỗi người dùng
- C. Hạ tầng đám mây được sở hữu bởi bên thứ 3
- D. Hạ tầng đám mây được thuê của nhà cung cấp khác

Câu hỏi 6.15 Trong đám mây riêng

- A. Hạ tầng đám mây được chia sẻ bởi nhiều người dùng
- B. Hạ tầng đám mây được vận hành chỉ cho một tổ chức duy nhất**
- C. Hạ tầng đám mây được sở hữu bởi bên thứ 3
- D. Hạ tầng đám mây được thuê của nhà cung cấp khác

Câu hỏi 6.16 Trong đám mây cộng đồng

- A. Hạ tầng đám mây được chia sẻ bởi nhiều tổ chức**
- B. Hạ tầng đám mây được vận hành chỉ cho một tổ chức duy nhất
- C. Hạ tầng đám mây được sở hữu bởi bên thứ 3
- D. Hạ tầng đám mây được thuê của nhà cung cấp khác

Câu hỏi 6.17 Đây là 3 công nghệ nền tảng xây dựng điện toán đám mây?

- A. Virtualization, Web 2.0 và Distributed Storage**
- B. Virtualization, Web 4.0 và Distributed Storage
- C. Virtualization, Web 2.0 và Distributed Systems
- D. Virtual Machines, Web 2.0 và Distributed Storage

Câu hỏi 6.18 Thành phần lưu trữ phân tán cung cấp dung lượng lớn với độ an toàn cao, tốc độ cao trong điện toán đám mây là

- A. DFS/SAN**
- B. DFS/RAID
- C. DFS/NAS
- D. DSS/SAN

Câu hỏi 6.19 Một trong các lợi ích của điện toán đám mây là

- A. Tổng chi phí sở hữu thấp**
- B. Tổng chi phí cài đặt thấp
- C. Tổng chi phí vận hành thấp
- D. Tổng chi phí triển khai

Câu hỏi 6.20 Đây không phải là một trong các vấn đề bảo mật hàng đầu đối với điện toán đám mây?

- A. Data privacy and security
- B. Access control
- C. Auditing and compliance
- D. Viruses and other malware